



# THỎA THUẬN XANH EU TÁC ĐỘNG TỚI XUẤT KHẨU VIỆT NAM

THE EU GREEN DEAL: IMPACTS ON VIETNAM'S EXPORT

---



**TS. Nguyễn Thị Thu Trang**

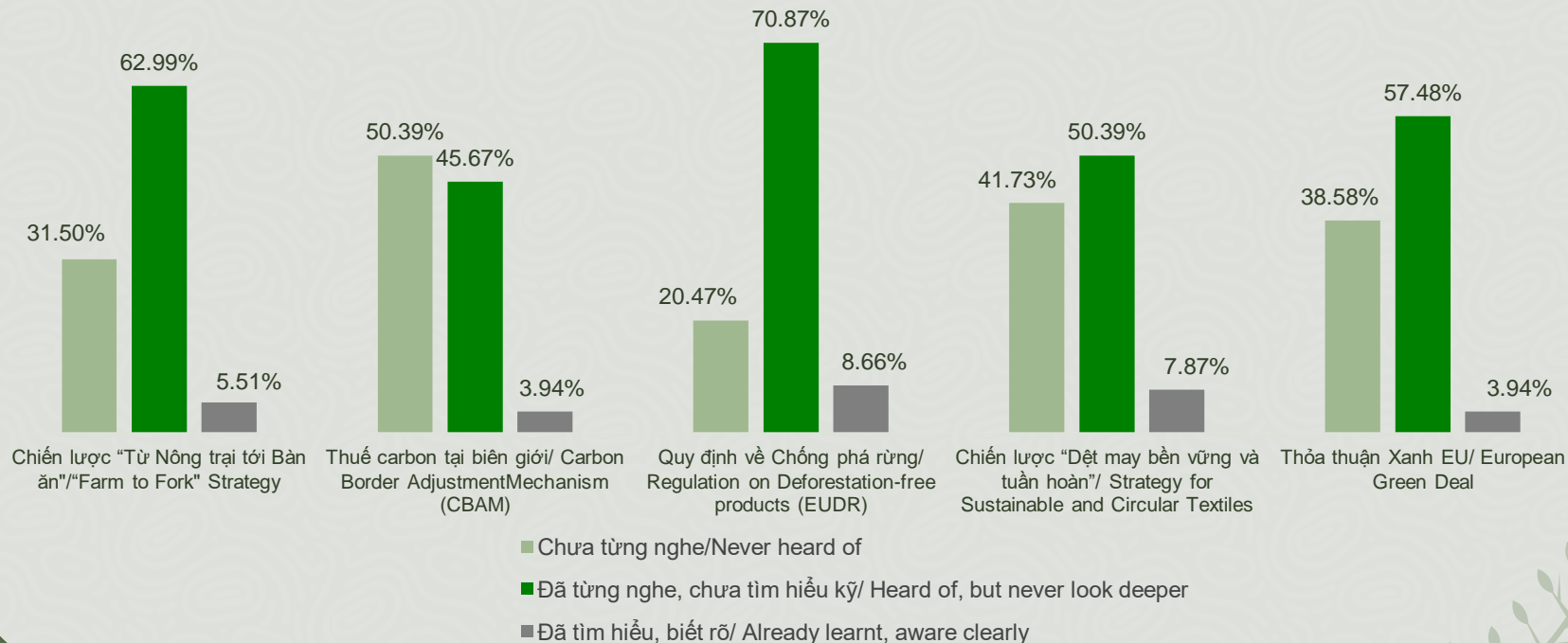
Trung tâm WTO và Hội nhập/ Center for WTO and International Trade

Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam/ Vietnam Chamber of Commerce and Industry



# Hiểu biết của doanh nghiệp VN về các chính sách xanh của EU

Vietnamese businesses' understanding of EU's green policies



Nguồn: Khảo sát nhanh của VCCI tháng 8/2023/ Source: VCCI's quick survey in August 2023

## Các nội dung chính/Main Contents

---

### 01

#### Thỏa thuận Xanh EU The European Green Deal

- ✓ Mục tiêu/ Targets
- ✓ Tính chất/ Nature
- ✓ Các nội dung chính/  
Outstanding policies

### 02

#### Tác động tới xuất khẩu Việt Nam sang EU Impacts on Vietnam's export to the EU

- ✓ Các chính sách xanh EU và cách thức tác động  
EU's green policies and their ways of impact
- ✓ Các hướng tác động, các ngành xuất khẩu Việt Nam bị tác động  
Types of impact, Exporting industries impacted
- ✓ Các chính sách xanh EU trong đối với Nông sản – Thực phẩm và Dệt may  
EU's green policies for Foods and Textiles

### 03

#### Những khuyến nghị/ Recommendations



# 01

## Thỏa thuận Xanh EU The European (EU) Green Deal

---



# Thỏa thuận Xanh EU?

# THE EUROPEAN GREEN DEAL



## Tính chất/ Nature

- Là Chương trình tổng thể và dài hạn của Liên minh châu Âu (EU) nhằm ứng phó với các vấn đề khẩn cấp về khí hậu toàn cầu đến năm 2050  
A comprehensive and long-term program of the EU to respond to the global climate emergency from now to 2050
- Công bố bởi Ủy ban châu Âu ngày 13/12/2019; thông qua bởi Hội đồng châu Âu ngày 15/1/2020  
Launched by the European Commission on December 13, 2019; adopted by the European Council on January 15, 2020



## Mục tiêu/ Targets

Xây dựng EU đến 2050 thành:  
Making the EU by 2050:

- Khu vực trung hòa về phát thải khí nhà kính (net-zero)/ A net zero greenhouse gas emissions region
- Nền kinh tế sử dụng ít nhất các nguồn lực tự nhiên/ A resource-efficient economy



## Đối tượng/ Actors

- Các cơ quan tổ chức, cá nhân EU/ EU's agencies, organizations and individuals
- Các hoạt động kinh tế diễn ra trên lãnh thổ EU/ Economic activities taking place in the EU's territory
- Hàng hóa giao dịch, sử dụng, tiêu dùng, thải bỏ tại trên thị trường EU/ Goods circulated, traded, used, consumed, discharged within the EU's market



# Các thành tố/Main elements



01

- Trung hòa khí hậu/ Climate neutral

02

- Kinh tế sạch và tuần hoàn/ Clean and circular economy

03

- An toàn và xanh từ nông trại đến bàn ăn/ Fair, healthy and environmentally-friendly food system from farm to fork

04

- Môi trường không độc hại/ Toxic free environment

05

- Hệ sinh thái phục hồi và đa dạng/ Preserving and restoring ecosystem and biodiversity

06

- Năng lượng sạch, rẻ và an toàn/ Clean, affordable and secure energy

07

- Giao thông thông minh và bền vững/ Sustainable and smart mobility

08

- Xây dựng tiết kiệm năng lượng và tài nguyên/ Building and renovating in an energy and resource efficient way

09

- Không để ai bị bỏ lại phía sau/ Leaving no one behind



European  
Green Deal

# Tiến trình thực thi/ Implementation progress



1/2020 – 10/2023: Đã có 58 hành động triển khai Thỏa thuận Xanh EU  
A total of 58 actions launched to implement the EU Green Deal so far

**Dự Luật Khí hậu châu Âu (ban hành 9/7/2021, có hiệu lực 29/7/2021)/**  
Proposal for European climate law (issued on July 9, 2021, effective on July 29, 2021)

4/3/2020



10/3/2020

**Chiến lược công nghiệp châu Âu /**  
EU industrial strategy

**Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn / Circular economy action plan**

11/3/2020



20/5/2020

**Chiến lược Từ trang trại tới bàn ăn và Chiến lược Đa dạng sinh học EU đến 2030 / Farm to Fork Strategy and EU Biodiversity Strategy for 2030**

**Kế hoạch hành động Không ô nhiễm/ Zero Pollution Action Plan**

12/5/2021



14/7/2021

**Gói Hành động “Vì mục tiêu 55” (trong đó CBAM ban hành 5/2023) / “Fit for 55” Package (including the CBAM adopted in May 2023)**

**Các đề xuất về chống phá rừng, cải cách hệ thống quản lý rác thải bền vững và làm sạch đất (trong đó EUDR ban hành 6/12/2022) / Proposals to stop deforestation, innovate sustainable waste management and make soils healthy (including the adopted on December 6, 2022)**

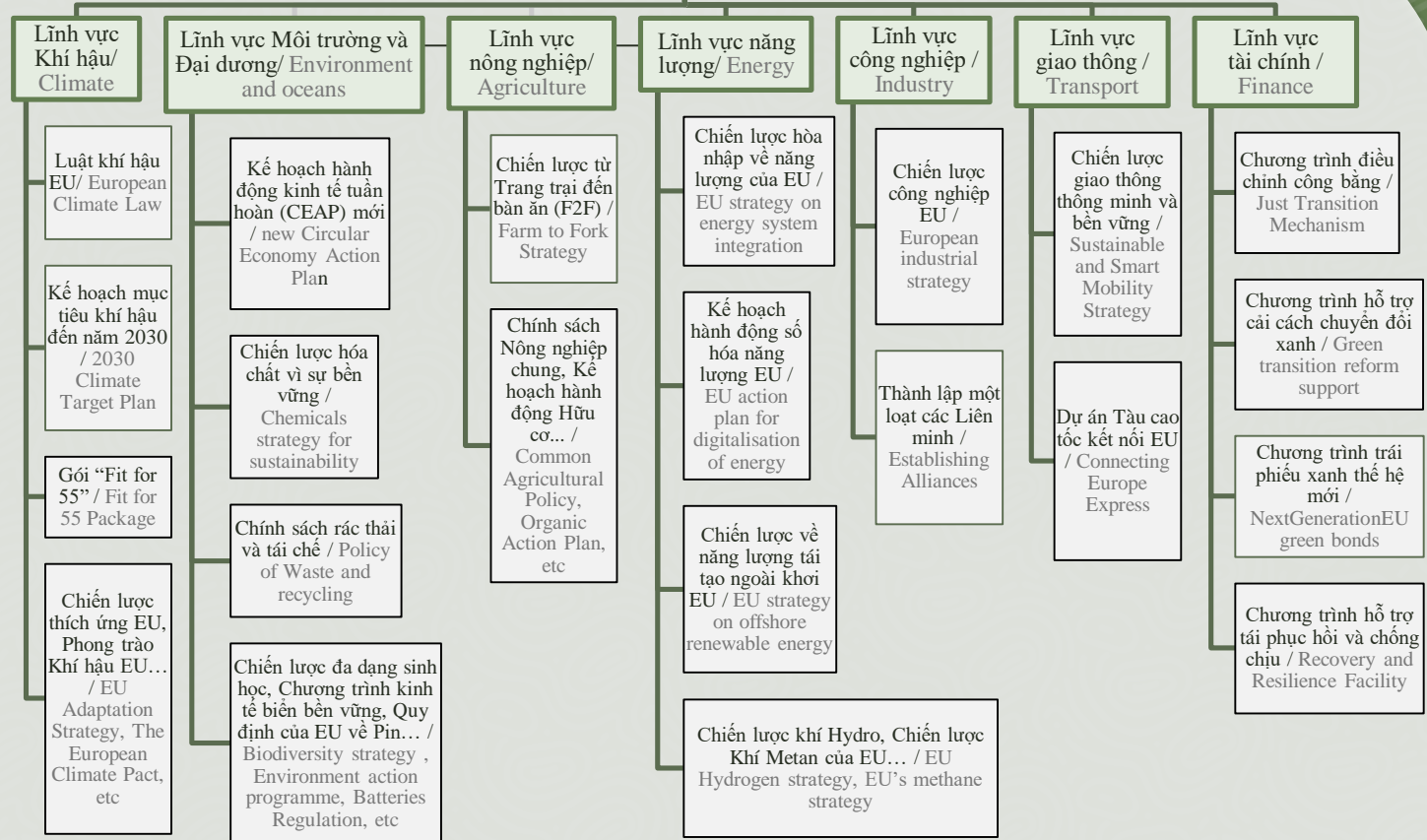
17/11/2021



23/4/2023

**Đề xuất sửa đổi các quy định về tiêu chuẩn tiếp thị nông sản, thực phẩm hiện hành / Proposal to revise the rules on existing marketing standards of agri-food products**

# Thỏa thuận Xanh EU / EGD



Các nhóm chính sách chủ đạo  
Main groups of EU green policies





# 02

## Thỏa thuận Xanh EU và Tác động tới xuất khẩu Việt Nam The EU Green Deal and Impacts on Vietnam's export

---



## Tại sao?/Why?



Các chính sách áp dụng cho hàng hóa giao dịch, sử dụng, tiêu dùng, thải bỏ tại EU

>>> bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào EU

Policies applicable to goods traded, used, consumed, and discharged within the EU

>>> including imported goods into the EU from foreign economies



Các chính sách áp dụng cho hàng hóa sản xuất tại EU dẫn tới bất cân bằng với hàng hóa nhập khẩu từ bên ngoài vào EU vốn không phải chịu các chính sách tương tự  
>>> EU áp dụng chính sách tương ứng cho hàng hóa nhập khẩu để tái lập cân bằng

EU internal policies applicable to goods produced in the EU lead to an imbalance with goods imported into the EU which are not subjected to equivalent policies in exporting economies  
>>> Need corresponding policies for imported goods to restore balance

# Các chính sách xanh EU có tác động tới xuất khẩu VN

## EU green policies having impacts on Vietnam's export

### Chiến lược “Từ trang trại tới bàn ăn” “Farm to Fork” Strategy

#### Các mục tiêu đến 2030/ Targets by 2030:

- ✓ Giảm 50% lượng sử dụng hóa chất trừ sâu  
Reducing the overall use and risk of chemical pesticides by 50%
- ✓ Giảm 50% lượng sử dụng thuốc trừ sâu nguy hiểm  
Reducing the use of more hazardous pesticides by 50%
- ✓ Giảm ít nhất 20% lượng sử dụng phân bón  
Reducing the use of fertilisers by at least 20%
- ✓ Giảm 50% doanh số bán thuốc kháng sinh cho vật nuôi và nuôi trồng thủy sản  
Reducing sales of antimicrobials for farmed animals and in aquaculture



# Các chính sách xanh EU có tác động tới xuất khẩu VN

## EU green policies having impacts on Vietnam's export

### Kế hoạch hành động Kinh tế tuần hoàn/ Circular Economy Action Plan (CEAP)

Gồm 35 hành động trong 07 chuỗi sản phẩm/ Including 35 actions in 07 targeted product chains:

Chuỗi sản phẩm đáng chú ý Notable product chains	Hành động đáng chú ý/ Notable actions
Điện tử & Công nghệ thông tin/ Electronics and information technology	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thiết kế sinh thái/ Ecodesign</li><li>- Bộ sạc dùng chung/ Common charger</li><li>- Hạn chế chất độc hại trong các thiết bị/ Restrictions of hazardous substances in equipment</li></ul>
Bao bì đóng gói/ Packaging	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giảm lượng bao bì sử dụng, giảm mức độ phức hợp của vật liệu đóng gói/ Reduction of packaging waste, the complexity of packaging materials</li><li>- Thiết kế bao bì cho phép tái chế, tái sử dụng/ Design for re-use and recyclability of packaging</li></ul>
Nhựa/ Plastics	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hạn chế thêm hạt vi nhựa vào các nguyên vật liệu/ Restriction of intentionally added microplastics</li><li>- Tiêu chuẩn hóa để hạn chế phát tán hạt vi nhựa vô ý ra môi trường/ Standardisation to limit unintentional release of microplastics into the environment</li><li>- Các yêu cầu tái chế đối với sản phẩm nhựa sử dụng một lần / Recycling requirements for single-use plastic products</li></ul>
Dệt may/ Textiles	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khung sản phẩm dệt may bền vững/ A whole framework for sustainable textile products framework</li><li>- Thúc đẩy vật liệu, quy trình sản xuất tuần hoàn/ Promotion of circular materials and production</li></ul>



# Các chính sách xanh EU có tác động tới xuất khẩu VN

## EU green policies having impacts on Vietnam's export

### Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới/ Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM)

Quy định 2023/956 (ban hành ngày 16/5/2023) - CBAM giai đoạn đầu  
Regulation (EU) 2023/956 (on May 16, 2023) – CBAM's first phase

#### Vấn đề/ Subject

#### Nội dung/ Contents

Phạm vi áp dụng  
Scope of application

Sắt thép, Xi măng, Phân bón, Nhôm, Điện và Hydro nhập khẩu vào EU  
Iron and Steel, Cement, Fertilizer, Aluminum, Electricity and Hydrogen imported into the EU

Lộ trình áp dụng  
Application  
roadmap

Từ 1/10/2023 đến 31/12/2025: Nghĩa vụ khai báo lượng phát thải của lô hàng nhập khẩu  
From October 1, 2023 to December 31, 2025: Obligation to declare emissions of imported products

Từ 1/1/2026 đến 31/12/2033/ From January 1, 2026 to December 31, 2033:

- Nghĩa vụ khai báo; và/ Declaration obligation, and
- Nghĩa vụ xuất trình chứng chỉ CBAM cho lượng phát thải ròng quá hạn ngạch cho phép  
Obligation to present CBAM certificate for net emissions exceeding the allowed quota

Từ 1/1/2034 trở đi/ From January 1, 2034:

- Nghĩa vụ khai báo/ Declaration obligation,
- Nghĩa vụ xuất trình chứng chỉ CBAM cho lượng phát thải ròng (không còn hạn ngạch)  
Obligation to present CBAM certificate for net emissions (no quota remaining)



# Các chính sách xanh EU có tác động tới xuất khẩu VN

## EU green policies having impacts on Vietnam's export



### Chiến lược hóa chất vì sự bền vững Chemicals strategy for sustainability

- ✓ Sửa đổi REACH/ Revision of REACH
- ✓ Sửa đổi quy định về ghi nhãn, đóng gói hóa chất/  
Revision of EU legislation on hazard classification, labelling and packaging of chemicals (CLP)
- ✓ Quản lý hóa chất độc hại trong sản phẩm điện tử, nội thất, xây dựng, thời trang/ Management of hazardous chemicals in electronic products,

### Các chính sách liên quan tới xử lý rác thải từ hàng tiêu dùng/ Policies related to waste management of consumer goods

- ✓ Hạn chế các chất nguy hại trong sản phẩm, các rác thải nguy hại từ sản phẩm tiêu dùng/ Limitation of hazardous substances in products, hazardous waste from consumer products

# Chính sách xanh EU đối với nông sản – thực phẩm

## EU's green policies for food and agricultural products



### Chính sách đáng chú ý/ Notable policies

### Các tác động đáng chú ý/ Notable impacts

Quy định về sử dụng bền vững các sản phẩm bảo vệ thực vật - Dự thảo 22/06/2022/ Proposal for Regulation on the sustainable use of plant protection products - Proposal on 22/06/2022

Có khả năng dẫn tới siết chặt các quy định về mức dư lượng tối đa các chất tồn dư trong nông sản, thực phẩm/ Tightening regulations on maximum residue levels of substances in agricultural products and foods

Đề xuất sửa đổi quy định của EU về vật liệu tiếp xúc với thực phẩm – Đánh giá tác động 18/12/2020/ Proposal for Revision of Food Contact Materials legislation - Inception impact assessment on 18/12/2020

Thay đổi quy cách sản xuất, thiết kế bao bì thực phẩm  
Changing production specifications and food packaging design

Đề xuất sửa đổi Quy định về thông tin thực phẩm cho người tiêu dùng - Đánh giá công bố 23/12/2020  
Proposal for a revision of the Regulation on Food Information to Consumers - Inception impact assessment on 23/12/2020

Thay đổi cách thức ghi nhãn (nội dung, vị trí)/  
Changing the method of labeling (content, position)

Quy định về Sản xuất hữu cơ và Ghi nhãn sản phẩm hữu cơ - Có hiệu lực từ 1/1/2021  
Regulation EU 2018/848 on organic production and labelling of organic products- Effective from 1/1/2021

- Không được sử dụng vật liệu nano/ No use of nanomaterial
- Nhãn phải bao gồm mã số kiểm soát, mã số vùng trồng/ The label must include code numbers of control authority, code numbers of growing area
- Quy định mới về chứng nhận nhóm/ New regulations on group certification

Quy định số 2023/1115 về một số sản phẩm liên quan đến nạn phá rừng và suy thoái rừng - Có hiệu lực từ 29/6/2023  
Regulation 2023/1115 on products associated with deforestation and forest degradation (EU Deforestation-Free Products Regulation – EUDR) - Effective from 29/6/2023

- Cấm nhập khẩu vào EU các sản phẩm được nuôi trồng trên đất phá rừng hoặc làm suy thoái rừng/ Prohibiting imported products originating from deforested land or contributing to forest degradation
- Áp dụng với cà phê, ca cao, cao su, đậu tương, gỗ và sản phẩm phái sinh (socola, đồ nội thất...)/ Applicable to coffee, cocoa, rubber, soy, wood and their derived products (chocolate, furniture, etc.)



# Chính sách xanh EU đối với Dệt may

## EU's green policies for Textiles

Các chính sách đáng chú ý/ Notable policies	Các nội dung đáng chú ý/ Notable contents
Quy định về Thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững - Dự thảo 30/3/2022 Proposal for a new Ecodesign for Sustainable Products Regulation 30/3/2022	Yêu cầu bắt buộc về thiết kế sinh thái, bảo đảm: Compulsory requirements for ecodesign, ensuring: - Độ bền/Reliability - Khả năng sửa chữa, tái sử dụng, tái chế/ Ability to repair, reuse, recycle - Hàm lượng sợi tái chế bắt buộc/ Required recycled fiber content - Giảm chất nguy hại trong nguyên phụ liệu (hạt vi nhựa...)/ Reduction of hazardous substances in raw materials (microplastics, etc.)
Chiến lược hóa chất vì sự bền vững – Công bố 14/10/2020 Chemicals Strategy for Sustainability 14/10/2020	Cấm chất độc hại (đặc biệt chất gây rối loạn nội tiết) trong sản phẩm Prohibition of hazardous substances (especially endocrine disruptors) in products
Sửa đổi Quy định ghi nhãn hàng dệt may – sẽ công bố cuối 2023 Proposal for Revision of textile labelling regulation – to be released by end 2023	Bổ sung thông số về tính bền vững, tuần hoàn trong nhãn vật lý và số Introduction of specifications for physical and digital labelling of textiles
Chỉ thị về Tuyên bố xanh – Dự thảo 22/3/2023 Proposal for Green Claims Directive 2/3/2023	Các nguyên tắc, tiêu chí về ghi nhãn xanh (để loại bỏ tình trạng “gian dối về tính xanh”) (greenwashing) / Principles and criteria for green labeling (to avoid greenwashing)
Sửa đổi Chỉ thị khung của EU về Rác thải – Dự thảo 5/7/2023 Proposal on a targeted amendment of the Waste Framework Directive) 5/7/2023	Nhà sản xuất phải nộp phí xử lý rác thải từ sản phẩm cho chính phủ nơi sản phẩm tiêu thụ và thải bỏ / Manufacturers must pay fees for waste management to the government where the products are consumed and discharged





# Các ngành xuất khẩu VN chịu tác động

## Affected exporting industries

(Giới hạn ở các chính sách xanh đã nhận diện được đến hiện tại/  
Limited to EU green policies identified so far)



Điện, điện tử, sản phẩm công nghệ thông tin, máy móc thiết bị, linh kiện liên quan

Electrical, electronics, information technology products, machinery, equipment, and related components;



Nông sản (đặc biệt là cà phê, điều, hạt tiêu, cacao, thịt,...), thủy sản, gỗ và sản phẩm gỗ

Agricultural products (especially coffee, cashews, pepper, cocoa, meat, etc.), seafood, wood and wood products;



Thực phẩm các loại (nhất là thực phẩm hữu cơ)

Foods of all kinds (especially organic foods);



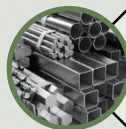
Dệt may, da giày

Textiles and footwear;



Các loại hóa chất, phân bón, pin, ắc quy

Chemicals, fertilizers, batteries;



Sắt thép, nhôm, xi măng

Iron and steel, aluminum, cement;



Bao bì của các loại sản phẩm (nhất là bao bì thực phẩm, hóa chất...) / Product packaging (especially packaging of food and chemicals, etc.);

(Xem thêm Bảng 2 – Trang 55 trong Báo cáo/  
See Table 2 – Page 55 in the Report)

# Các cách thức tác động/ Impacting ways

## 1. Gia tăng các tiêu chuẩn “xanh” đối với hàng hóa Increase in "green" standards for goods



### Thêm các tiêu chuẩn xanh mới Introduction of new green standards

- ✓ Thiết kế sinh thái cho hàng điện tử, thời trang... / Ecodesign for electronics, textiles, etc.
- ✓ Ghi nhãn xanh cho thực phẩm hữu cơ  
Green labeling for organic foods

### Sửa đổi các tiêu chuẩn hiện hành theo hướng tăng yêu cầu “xanh”/ Leveling up the "green" requirements in existing regulations

- ✓ Giảm mức tồn dư tối đa cho phép các chất trong thực phẩm/  
Reducing the maximum residue levels of substances in foods
- ✓ Bổ sung danh mục thuốc trừ sâu bị cấm/ Enlarging the list of banned pesticides

### Pháp luật hóa các tiêu chuẩn xanh tự nguyện Codification of voluntary green standards

- ✓ Kinh doanh có trách nhiệm/ Responsible business
- ✓ Phúc lợi động vật / Animal welfare

### Mở rộng diện áp dụng của các tiêu chuẩn xanh hiện hành/ Expanding the scope of application of current green standards

- ✓ Nhãn sinh thái/ Ecolabel
- ✓ Trách nhiệm thông tin cho người tiêu dùng/ Green information required to provide to customers

## Các cách thức tác động/ Impacting ways

### 2. Gia tăng trách nhiệm tài chính “xanh” của nhà sản xuất

Increase in manufacturers' “green” financial responsibility

Các khoản phí “Trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất” (EPR)/  
Fees for “Extended Producer Responsibility” (EPR)

Các khoản chi cho chứng chỉ CBAM cho mỗi tấn CO2 phát thải/  
Expenses for CBAM certificate per ton of CO2 emitted



### 3. Gia tăng trách nhiệm giải trình/ Increase in accountability responsibility



Nghĩa vụ báo cáo về lượng phát thải CO2 trong sản xuất sắt thép, xi măng... (CBAM)/ Obligation to report on CO2 emissions in the production of steels, cement, etc. (CBAM)

Nghĩa vụ giải trình nguồn gốc đất sử dụng để trồng cà phê, ca cao, gỗ... (EUDR)/ Obligation to explain/prove the origin of land used to grow coffee, cocoa, wood, etc. (EUDR)


Nghĩa vụ chứng minh tiêu chuẩn tương đương EU của thực phẩm hữu cơ/ Obligation to demonstrate standards equivalent to EU's ones for organic foods

# Thách thức với xuất khẩu Việt Nam

## Challenges for Vietnam's export


---



 **Hiểu biết về các chính sách xanh EU**  
Awareness of EU green policies

 **Năng lực tuân thủ/ Compliance capacity**

- ✓ Công nghệ/Technologies
- ✓ Kiểm soát chuỗi, truy xuất nguồn gốc  
Chain controlling, Origin tracking
- ✓ Kỹ năng của lao động/Labor skills
- ✓ Truy xuất, Lưu trữ, Giải trình  
Retrieval, Storage, Accountability

 **Chi phí tuân thủ/ Compliance costs**

# Những thuận lợi nhất định/ Easing factors

- ❖ Các chính sách xanh có lộ trình thực thi từng bước/ Step-by-step roadmap for green policies
- ❖ Chi phí thực thi không phải trả cả gói lập tức/ Not immediate cost package

## Một số ví dụ về thời điểm ban hành và có hiệu lực của một số chính sách xanh EU

Tên chính sách/ Policy	Ngày công bố chính sách nguyên tắc/ Date of common policy	Ngày công bố Dự thảo quy định/ Date of Proposal for Regulation	Ngày thông qua chính thức quy định/ Date of Regulation	Ngày bắt đầu thực thi các nghĩa vụ/ Effective date of some obligations	Ngày thực thi đầy đủ các nghĩa vụ/ Effective date of full obligations
Quy định về chống phá rừng (EUDR)/ EU Deforestation-Free Products Regulation – EUDR	20/05/2020 (Chiến lược đa dạng sinh học của EU đến năm 2030/ EU Biodiversity Strategy for 2030)	17/11/2021	31/05/2023	29/06/2023	30/06/2025
Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (CBAM)/ Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM)	14/07/2021 (Gói Fit for 55/ “Fit for 55” Package)	14/07/2021	16/05/2023	01/10/2023	01/01/2034
Quy định về sử dụng bền vững các sản phẩm bảo vệ thực vật/ Regulation on the sustainable use of plant protection products	20/05/2020 (Chiến lược từ Trang trại đến bàn ăn)/ Farm to Fork Strategy	22/06/2022	Chưa xác định Not yet defined	Chưa xác định Not yet defined	Chưa xác định Not yet defined
Quy định về thiết kế sinh thái cho các sản phẩm bền vững/ Ecodesign for Sustainable Products Regulation	11/03/2020 (Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn/ Circular economy action plan)	30/03/2022	Chưa xác định Not yet defined	Chưa xác định Not yet defined	Chưa xác định Not yet defined
Chỉ thị về tuyên bố xanh/ Green Claims Directive	11/03/2020 (Kế hoạch hành động kinh tế tuần hoàn/ Circular economy action plan)	22/03/2023	Chưa xác định Not yet defined	Chưa xác định Not yet defined	Chưa xác định Not yet defined



## Những cơ hội trong lâu dài

Possible opportunities in longer term

---

- ✓ Tiếp cận “thị trường xanh” tiềm năng  
Access to potential "green markets"
- ✓ Xuất khẩu bền vững đi các thị trường phát triển  
Sustainable export to developed markets
- ✓ Tiết giảm chi phí, cải thiện hiệu quả kinh doanh trong dài hạn/  
Cost reduction, improvement of business efficiency in long term
- ✓ Chuyển đổi xanh ở Việt Nam  
Green transition in Vietnam

# 03

## Những khuyến nghị Recommendations

---



# Đối với doanh nghiệp/ For Businesses



## Hiểu để ứng xử phù hợp/ Understanding to respond appropriately

- ✓ Theo dõi, cập nhật về các xu hướng chính sách EU liên quan tới sản phẩm của mình/ Watching out and updating EU's policies related to your products
- ✓ Tìm hiểu kỹ, chính xác, đầy đủ về các yêu cầu, phạm vi áp dụng, lộ trình thực hiện, các hướng dẫn kỹ thuật nếu có, của các tiêu chuẩn xanh cụ thể có liên quan/ Learning carefully, accurately, and completely about the requirements, scope of application, implementation roadmap, technical instructions, if any, of relevant specific green standards



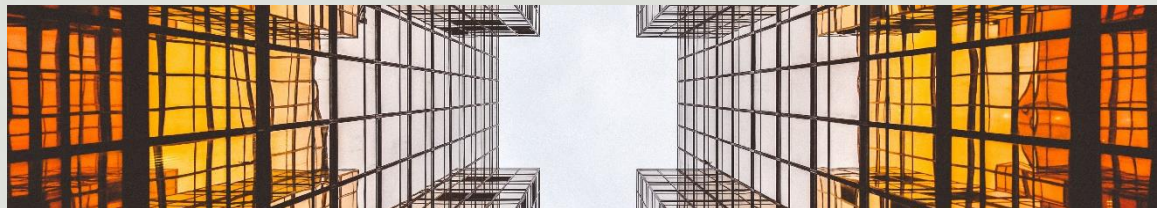
## Chuẩn bị và hành động tương ứng/ Preparing and taking corresponding actions

- ✓ Xác định kế hoạch phù hợp, kịp thời (không quá muộn, không quá sớm)/ Figuring out appropriate and timely plans (not too late, not too early)
- ✓ Hành động chính xác, hợp lý/ Taking actions accurately and reasonably



## Chủ động chuyển đổi xanh từng bước/ Proactively implementing green transition step by step

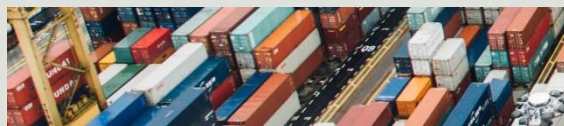
- ✓ Để tận dụng các cơ hội, nếu có/ To take advantage of opportunities, if any
- ✓ Để sản xuất, xuất khẩu bền vững (ở Việt Nam và ở thị trường xuất khẩu)/ To sustainably produce and export (in Vietnam and in export markets)





# Đối với các cơ quan quản lý, hiệp hội, tổ chức hỗ trợ DN

For competent authorities, associations, and business support organizations



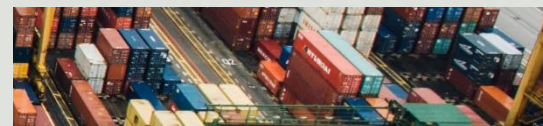
## Cập nhật, cung cấp thông tin/ Updating and providing information

- ✓ Thông tin về diễn tiến các chính sách xanh chung/ Information about the development of EU green policies in general
- ✓ Thông tin về các chính sách xanh cụ thể (theo lĩnh vực, sản phẩm)/ Information about EU's specific green policies (by sector, product)



## Trao đổi – tham vấn với phía EU/ Exchanging and consulting with the EU

- ✓ Làm rõ các yêu cầu để hướng dẫn DN thực hiện/ Clarifying requirements to guide businesses in implementation
- ✓ Chia sẻ thông tin, tìm giải pháp chuyển tiếp thích hợp/ Sharing information, finding appropriate transition solutions
- ✓ Tìm kiếm các hỗ trợ kỹ thuật/ Seeking for technical support



## Đầu mối “xanh” "Green" focal point

- ✓ Về thông tin/ For information
- ✓ Tư vấn thực hiện/ For implementation consulting
- ✓ Hỗ trợ khác/ For other supports



# Thank you!

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP  
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**ADDRESS**

9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

**PHONE NUMBER**

024 3577 1458

**EMAIL ADDRESS**

[banthuky@trungtamwto.vn](mailto:banthuky@trungtamwto.vn)

**WEBSITE**

[trungtamwto.vn](http://trungtamwto.vn) / [wtocenter.vn](http://wtocenter.vn)

